

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ QUAO  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/DS-ST

Ngày: 11-05-2021.

V/v đòi lại tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Danh Thị Kiều Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vũ Thị Đào.

2. Ông Nguyễn Thành Thật.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.*

Ngày 11 tháng 05 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2021/TLST-DS, ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Danh H1, sinh năm 1984 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

*2. Bị đơn:* Anh Danh H2, sinh năm 1986 (có mặt)

Chị Thị Cẩm D, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp U, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2021, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Danh H1 trình bày như sau:*

Vào ngày 25/11/2014 anh có cho chị Thị Cẩm D (vợ anh H2) vay 06 (sáu) chỉ vàng 24Kr loại vàng 9999 và chị D có làm biên nhận nợ, thỏa thuận lãi 200.000 đ/tháng/chỉ và chị D hẹn sẽ trả cho anh trong một thời gian ngắn. Anh có yêu cầu phía bên chị D trả nợ nhiều lần nhưng chị D không thực hiện nghĩa vụ nên anh yêu cầu Ban lãnh đạo ấp U, xã Đ giải quyết ngày 19/2/2021 thì anh H2 thừa nhận nợ và thống nhất trả nợ cho anh nhưng không xác định được thời gian trả nợ, do đó anh H1 khởi kiện đến Tòa án. Sau khi được Tòa án mời làm việc thì anh H2 vẫn thừa nhận có nợ anh 06 chỉ vàng nhưng do hiện nay hoàn cảnh kinh tế của anh H2 khó khăn, đồng thời chị D đã bỏ địa phương đi nên anh tự nguyện bớt cho vợ chồng anh H2 02 chỉ 05 phân vàng mà chỉ yêu cầu vợ chồng anh H2 trả 03 chỉ 05 phân vàng; anh tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 02 chỉ 05 phân vàng này.

Tại phiên tòa, anh H1 yêu cầu anh H2, chị D phải trả số nợ 03 chỉ 05 phân vàng 24Kr (loại vàng 9999) sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì thêm.

*Tại bản tự khai đề ngày 31/3/2021, tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Danh H2 trình bày như sau:* Việc vợ anh (Thị Cẩm D) vay vàng của anh H1 thì anh không biết, đến khi vợ bỏ nợ bỏ đi và nghe anh H1 nói số nợ này thì anh mới biết, vợ anh có viết biên nhận nợ cho anh H1. Tuy nhiên, hiện nay chị D đã bỏ nhà đi đến nay không về địa phương và anh đang trực tiếp ở căn nhà chung của vợ chồng, vợ chồng anh vẫn chưa ly hôn và vẫn còn chung hộ khẩu gia đình số 340306186, địa chỉ ấp U, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Anh xác nhận đây là nợ chung của vợ chồng nên anh vẫn đồng ý cùng chị D trả nợ cho anh H1.

Nay anh H1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh phải trả số vàng nợ 03 chỉ 05 phân vàng 24k (loại vàng 9999) thì anh thừa nhận nợ và đồng ý trả cho anh H1 03 chỉ 05 phân vàng nhưng hiện nay kinh tế khó khăn và chị D không có ở nhà nên anh không có khả năng trả đủ một lần và anh cũng không xác định được thời gian trả nợ mà xin hẹn đến khi nào bán được nhà thì sẽ trả nợ cho anh H1.

Đối với bị đơn chị Thị Cẩm D không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng chị D không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của chị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] **Về tố tụng:** Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa anh H1 và anh H2, chị D là “Tranh chấp đòi lại tài sản”. Bị đơn có địa chỉ tại ấp U, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án nhân dân huyện Gò Quao thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về tố tụng: Chị Thị Cẩm D với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] **Về nội dung:** Vào ngày 25/11/2014 anh H1 có cho chị D (vợ anh H2) vay 06 chỉ vàng 24k (loại 9999), chị D có làm biên nhận nợ và hẹn trả trong thời gian ngắn. Nhưng đến nay chị D vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo lời hứa nên anh H1 khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết buộc chị D, anh H2 có nghĩa vụ trả 06 chỉ vàng 24k (loại 9999). Anh H2 thừa nhận chữ ký trong biên nhận nợ ngày 25/11/2014 là đúng chữ ký của chị D và anh đồng ý cùng chị D trả nợ cho anh H1 nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu của nguyên đơn anh H1 yêu cầu vợ chồng anh H2, chị D phải có nghĩa vụ trả 03 chỉ 05 phân vàng 24k, anh H2 thừa nhận có nợ và đồng ý trả cho anh 03 chỉ 05 phân vàng nên xét yêu cầu khởi kiện của anh H1 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp

nhận. Tuy nhiên, anh H2 cho rằng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên anh xin hẹn đến khi nào bán được nhà sẽ trả nợ cho anh H1 nhưng không được anh H1 đồng ý vì anh H2 không xác định được thời gian trả nợ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Xét lời trình bày của anh H2, anh cho rằng đây là nợ chung của anh và chị D, anh H2 xác nhận hiện nay chị D đã bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ; Tuy nhiên, anh và chị D là vợ chồng hợp pháp và chưa ly hôn, vẫn còn chung hộ khẩu gia đình số 340306186, địa chỉ ấp U, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên anh và chị D phải cùng có trách nhiệm trả số vàng nợ này cho anh H1. Hội đồng xét xử xét thấy, số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và cũng được phía bên nguyên đơn và anh H2 xác nhận chữ ký trong biên nhận nợ ngày 25/11/2014 là đúng chữ ký của chị D nên căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc chị D phải có trách nhiệm liên đới cùng với anh H2 trả số vàng nợ cho anh H1 là phù hợp.

[3] Đối với bị đơn chị Thị Cẩm D sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ cùng với lời khai của anh H1 và anh H2 cho thấy, chị D vẫn còn hộ khẩu tại địa phương nhưng chị D đã đi làm xa thường xuyên không có ở nhà nên Tòa án căn cứ khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thực hiện việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng liên quan đến chị D giao cho anh H2 (chồng chị D và cùng nơi cư trú của chị D) ký nhận thay đầy đủ các thủ tục nhưng chị D vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình liên quan đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử không thể xem xét nguyện vọng của chị D.

[4] Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/2/2021 anh H1 yêu cầu anh H2, chị D trả 06 chỉ vàng 24K<sub>999</sub> (loại vàng 9999) nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về yêu cầu trả 02 chỉ 05 phân vàng 24K<sub>999</sub>. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí DSST có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ trên trang Web: tygiavang.vn ngày 11/5/2021 thì trung bình giá mua vào (5.195.000đồng) và bán ra (5.265.000đồng) 01 chỉ vàng 24K<sub>999</sub> bằng 5.230.000đồng để tính án phí như sau: (03 chỉ 05 phân vàng x 5.230.000 đồng/01 chỉ) x 5% = 915.000đồng buộc anh H2 và chị D phải nộp.

Yêu cầu của anh Danh H1 được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà anh đã nộp là 750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009749 ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 92, 147, 177, 227, khoản 2 Điều 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 11, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015,

Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

**1. Xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Danh H1.

**Buộc:** anh Danh H2 và chị Thị Cẩm D phải có nghĩa vụ trả cho ông Danh H1 03 (ba) chỉ 05 phân vàng 24K (loại vàng 9999).

**2.** Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Danh H1 đối với anh Danh H2, chị Thị Cẩm D về yêu cầu trả 02 (hai) chỉ 05 phân vàng 24k (9999).

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm là: 915.000đồng (Chín trăm mười lăm ngàn đồng) buộc anh Danh H2 và chị Thị Cẩm D phải nộp.

Anh Danh H1 được nhận lại 750.000đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009749 ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

**4.** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 11/5/2021.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

**Danh Thị Kiều Oanh**